

Số: 384/QĐ-THBK

Cần Giờ, ngày 7 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về phân công chuyên môn năm học 2024 – 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC BÌNH KHÁNH

Căn cứ Quyết định số 993/1998-QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 1998 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ về việc “đổi tên trường phổ thông cơ sở Cấp I Bình Khánh thành Trường Tiểu học Bình Khánh”;

Căn cứ Điều lệ trường tiểu học (Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Căn cứ vào chức năng và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Xét khả năng chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức của cán bộ, giáo viên, nhân viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành Quyết định phân công chuyên môn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên kể từ tháng 11 năm học 2024 – 2025 của Trường Tiểu học Bình Khánh (có bảng phân công đính kèm).

Điều 2. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được phân công ở Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo Điều lệ trường tiểu học, các quy chế, quy định của ngành và theo sự chỉ đạo, quản lý, điều hành của hiệu trưởng đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học 2024 - 2025.

Điều 3. Ông (Bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Đặng Thái Bình



(Đàn hành kèm theo Quyết định số 381/QĐ-THBK ngày 07 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Tiểu học Bình Khánh)

BẢNG PHÂN CÔNG CHUYÊN MÔN NĂM HỌC 2024 - 2045

STT	Họ và tên	Nữ	Biên chế	Tập sự	Hợp đồng	Chức vụ	Lớp dạy	Tổng số lớp	TS tiết dạy	Công tác kiêm nhiệm	TS tiết trong tuần	Số tiết nghĩa vụ	Số tiết phụ trội	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Đặng Thái Bình		X			HT	Đạo đức lớp 4.1; 4.6	02	02	Bí thư chi bộ	02	02		
2	Châu Thị Thắm	X	X			PHT	Đạo đức lớp 1.1; 1.2; 5.1; 5.2	04	04		04	04		
3	Nguyễn Thị Ngọc Đào	X	X			PHT	Đạo đức: 2.1, 2.6; Âm nhạc: 4.2, 4.3	04	04	Chi ủy	04	04		
4	Nguyễn Thị Huỳnh Mai	X	X			Giáo viên	Lớp 1.1	1	18	TTCM (3) CN: 3	24	23	1	
5	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	X	X			Giáo viên	Lớp 1.2	1	18	CN: 3 TTCD: 2	23	23		
6	Lê Thị Ngọc Dung	X	X			Giáo viên	Lớp 1.3	1	20	CN: 3	23	23		02 HSKT
7	Nguyễn Thị Thanh Trang	X	X			Giáo viên	Lớp 1.4	1	20	CN: 3	23	23		01 HSKT
8	Mai Anh Chí	X		X		Giáo viên	Lớp 1.5	1	20	CN: 3	23	23		02 HSKT
9	Lê Dương Định Hạ	X		X		Giáo viên	Lớp 1.6	1	20	CN: 3	23	23		03 HSKT
10	Nguyễn Thanh Tuyền	X	X			Giáo viên	Lớp 2.1	1	18	TTCM (3) CN: 3	24	23	1	
11	Trần Thị Hoài Dung	X	X			Giáo viên	Lớp 2.2	1	20	CN: 3	23	23		
12	Nguyễn Thị Diễm	X	X			Giáo viên	Lớp 2.3	1	20	CN: 3	23	23		1 HSKT

13	Phạm Thị Thu Hồng	X	X					Giáo viên	Lớp 2.4	1	20	CN: 3	23	23		2 HSKT
14	Võ Thị Kiều Ngân	X				X		Giáo viên	Lớp 2.6	1	18	CN: 3	21		21	Thỉnh giảng
15	Nguyễn Thị Thanh Xuân	X	X					Giáo viên	Lớp 2.5	1	20	CN: 3	23	23		02 HSKT
16	Hồng Thanh Trung		X					Giáo viên	Lớp 3.1	1	17	TTCM: 3 CN: 3	23	23		
17	Nguyễn Thị Thùy Châu	X	X					Giáo viên	Lớp 3.2	1	20	CN: 3	23	23		
18	Võ Thị Thúy Hà	X	X					Giáo viên	Lớp 3.3	1	20	CN: 3	23	23		
19	Nguyễn Thị Đang	X	X					Giáo viên	Lớp 3.4	1	20	CN: 3	23	23		
20	Hồ Tấn Long		X					Giáo viên	Lớp 3.5	1	20	CN: 3	23	23		1 HSKT
21	Lê Nguyễn Quỳnh Hương	X			X			Giáo viên	Lớp 3.6	1	19	CN: 3 T.Sự: 2	24	23	1	
22	Phạm Thị Thu Thủy	X	X					Giáo viên	Lớp 4.1	1	18	TTCM(3) CN: 3	24	23	1	
23	Trần Thị Cẩm Tiên	X	X					Giáo viên	Lớp 4.2	1	20	CN: 3	23	23		
24	Lê Thị Thu Dung	X	X					Giáo viên	Lớp 4.3	2	20	CN: 3	23	23		
25	Trần Thị Liên	X	X					Giáo viên	Lớp 4.4	1	20	CN: 3	23	23		1 HSKT
26	Phạm Thị Ngọc Hiền	X	X					Giáo viên	Lớp 4.5	1	20	CN: 3	23	23		
27	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	X			X			Giáo viên	Lớp 4.6	1	18	CN: 3 T.Sự: 2	23	23		
28	Võ Thị Thanh Nga	X	X					Giáo viên	Lớp 5.1	1	18	TTCM(3) CN: 3	24	23	1	
29	Hồ Văn Phăng		X					Giáo viên	Lớp 5.2	1	18	CN: 3 TTND: 2	23	23		
30	Trần Thị Thanh	X	X					Giáo viên	Lớp 5.3	1	20	CN: 3	23	23		
31	Huỳnh Thị Thia	X	X					Giáo viên	Lớp 5.4	1	20	CN: 3	23	23		
32	Nguyễn Quang Rạng		X					Giáo viên	Lớp 5.5	1	20	CN: 3	23	23		

33	Phạm Văn Thái		X			Giáo viên Tin học	Tin học: 2.1; 2.2; 2.5; 2.6; Khối 4; 5.1; 5.2 (Tin học + Công nghệ)	12	22	TTCM (3)	25	23	2	
34	Đoàn Thanh Cang		X			Giáo viên Tin học	Tin học: 2.3; 2.4; Khối 3; Tin học + Công nghệ: 5.3; 5.4; 5.5; 5.6	10	22	Phụ trách QLPM (3 tiết)	25	23	2	
35	Nguyễn Anh Thi		X			TPT	GDTC: 4.1	02	02		02	02		
36	Bùi Minh Trí		X			Giáo viên Thế dục (GDTC)	1.4; 1.5; 1.6; 2.1; 2.2; 2.3; 3.4; 3.5; 3.6; 4.2; 5.3; 5.4; 5.5	13	26		26	23	3	
37	Trần Châu Phong		X			Giáo viên Thế dục (GDTC)	1.1; 1.2; 1.3; 2.4; 2.5; 2.6; 3.1; 3.2; 3.3; 4.5; 4.6; 5.1; 5.2	13	26		26	23	3	
38	Nguyễn Thành Phương		X			Giáo viên Mĩ thuật	Khối 1,2; 3.1; Khối 4	19	19	CTCD (4)	23	23		
39	Đặng Thị Thùy Giang	X	X			Giáo viên tiếng Anh	1.1, 1.2, 4.3, 5.1, 5.2, 5.4	06	26		26	23	3	
40	Nguyễn Thị Loan Thảo	X	X			Giáo viên tiếng Anh	1.3; 1.4; 2.6; 3.5; 3.6; 4.1; 4.5	07	28		28	23	5	
41	Lê Thị Kim Mai	X	X			Giáo viên tiếng Anh	2.1; 2.5; 3.1; 3.2; 5.3; 5.5	06	26	TTCM: 3	29	23	6	
42	Đỗ Thị Kim Hồng	X	X			Giáo viên tiếng Anh	1.5; 1.6; 3.3; 3.4; 4.2; 4.4; 4.6	07	28	TTCD (2)	30	23	7	
43	Nguyễn Thị Thu Hương	X			X	Giáo viên tiếng Anh	2.2	01	06		06		06	Thỉnh giảng

44	Đặng Ngọc Lê	X			X	Giáo viên tiếng Anh	2.3; 2.4	02	12		12		12	Thinh giảng
45	Nguyễn Ngọc Phương Lam	X		X		Giáo viên Âm nhạc	Khối 1, 2; 3.1; 4.1; 4.4; 4.5; 4.6; Khối 5	22	22	Tập sự: 2	24	23	1	
46	Trần Văn Phúc		X			Phổ cập	GDTC: 4.3 + 4.4	04	04		04	04		
47	Nguyễn Văn Tám				X	Phục vụ								
48	Lê Thị Thu Hương		X			Kế toán								
49	Nguyễn Thị Linh Phương	X	X			Văn thư				TPVP				
50	Nguyễn Thị Hồng Giang	X	X			Thư viện, thiết bị								
51	Nguyễn Thị Bạch Tuyết	X			X	Phục vụ								
52	Phan Thị Tuyết Minh	X	X			Y tế				Tổ trưởng văn phòng				
53	Võ Duy Nguyễn			X		QTCS				Thủ quỹ				
54	Phan Phú Quốc				X	Bảo vệ								
55	Phan Tấn Lập				X	Bảo vệ								
56	Đặng Thị Tuyết Nga	X			X	Nấu ăn								
57	Trương Thị Ngọc Hân	X			X	Nấu ăn								